UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 220 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 07 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn voi tại tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, tầm nhìn 2050

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020"; điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2025 tại Quyết định số 413/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2958/QĐ-BNN-LN ngày 28/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định một số chính sách bảo tồn Voi tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách bảo tồn Voi tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08/TTr-SNN ngày 15/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn voi tại tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, tầm nhìn 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại vụ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá, thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện: Lắk, Buôn Đôn, Ea Súp, Ea H'Leo, Cư M'gar; Giám đốc Trung tâm Bảo tồn voi, cứu hộ động vật và Quản lý bảo vệ rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Lâm nghiệp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Q-07b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thiên Văn

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Hành động quốc gia về bảo tồn voi tại tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, tầm nhìn 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2958/QĐ-BNN-LN ngày 28/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn voi tại tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, tầm nhìn 2050 với các nội dung sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện các hành động ưu tiên để duy trì và phát triển quần thể voi hoang dã hiện có đảm bảo bền vững; quản lý và cải thiện sinh cảnh nơi voi sinh sống; quản lý xung đột voi - người thúc đẩy chung sống hài hòa và nâng cao năng lực nghiên cứu, thực thi, quản lý cho các bên liên quan để bảo tồn voi hoang dã; tăng cường các hoạt động chăm sóc, cứu hộ, hợp tác trao đổi nguồn giống và phúc lợi cho voi nuôi nhốt nhằm gây nuôi thúc đẩy sinh sản hướng tới phát triển bền vững voi nuôi nhốt.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với voi hoang dã

- Thực hiện các giải pháp toàn diện để bảo tồn và phục hồi quần thể voi hoang dã bao gồm việc tăng cường hiểu biết về loài này, giảm thiểu các mối đe dọa đối với voi.

- Đảm bảo và cải thiện môi trường sống cho voi hoang dã thông qua việc duy trì và nâng cao chất lượng các vùng sinh cảnh, ngăn chặn xâm hại, chia cắt vùng sống của chúng.

- Tăng cường các biện pháp quản lý xung đột voi - người, hỗ trợ cải thiện sinh kế cho cộng đồng liên quan, nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức phòng tránh, nguyên tắc an toàn hướng tới chung sống hài hòa giữa voi và người.

- Nâng cao năng lực cho các bên liên quan và cơ chế hợp tác bảo tồn voi, khuyến khích và triển khai các đề tài, chương trình nghiên cứu liên quan đến bảo tồn voi hoang dã và tăng cường hợp tác quốc tế.

2.2. Đối với voi nuôi nhốt

- Tăng cường sức khỏe thể chất, tinh thần và phát triển sinh cảnh phù hợp cho voi nuôi nhốt. Tăng cường năng lực cho Trung tâm Bảo tồn voi/chủ voi/nài voi về cách chăm sóc voi nuôi nhốt và thực hiện cứu hộ.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cứu hộ, chăm sóc sức khỏe, sinh sản cho voi nuôi nhốt.

- Đảm bảo cơ hội sinh sản cho các cá thể voi nuôi nhốt còn khả năng sinh sản. Tăng cường nguồn giống sinh sản hợp pháp, phát triển quần thể bền vững. Hỗ trợ bảo tồn voi hoang dã.

3. Tầm nhìn: Đến năm 2050 bảo tồn và phát triển bền vững quần thể voi hoang dã; thúc đẩy sự chung sống hài hòa giữa voi và người; đảm bảo phúc lợi và thúc đẩy sự phát triển voi nuôi nhốt.

II. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi: Các huyện có voi phân bố và hành lang di chuyển của voi (Lắk, Buôn Đôn, Ea Súp, Ea H'Leo, Cư M'gar).

2. Đối tượng: Quần thể voi hoang dã và voi nuôi nhốt hiện có, các huyện có voi phân bố, các chủ rừng có voi và sinh cảnh của voi, các chủ sở hữu hợp pháp voi nuôi nhốt, các cơ quan thực thi, nghiên cứu, quản lý có liên quan; các tổ chức bảo tồn quốc tế và cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực voi phân bố.

III. Nhiệm vụ

1. Về tổ chức bộ máy và biên chế: Thực hiện theo điều 3, Quyết định số 929/QĐ-UBND, ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo tồn voi, cứu hộ động vật và Quản lý bảo vệ rừng.

2. Xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị chuyên môn

- Hoàn thiện cụm công trình chăm sóc, cứu hộ voi: xây dựng công trình hàng rào, nhà chăm sóc voi và đường nội bộ của cụm công trình chăm sóc cứu hộ voi (giai đoạn 2).

- Mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng đảm bảo để cứu hộ, thăm khám sức khỏe, sinh sản cho voi và các loài động vật hoang dã khác: 01 máy chụp X-Quang lưu động, 01 xe bán tải để chở người và thiết bị thăm khám, điều trị lưu động trong và ngoài tỉnh, 01 xe cần cẩu để cứu hộ, vận chuyển voi và các vật tư, thuốc…khám chữa bệnh cho voi.

3. Đối với voi hoang dã

- Nâng cao hiểu biết về voi hoang dã, cụ thể: Hiểu rõ hơn về đặc điểm hình thái, cấu trúc đàn, hành vi và sức khỏe từng cá thể, xu hướng di chuyển,… thông qua việc giám sát voi bằng bẫy ảnh, phân tích DNA từ mẫu phân và thí điểm đeo vòng cổ GPS.

- Ngăn chặn các mối đe dọa đến sự suy giảm voi hoang dã, cụ thể: Tăng cường tuần tra kiểm soát, loại bỏ các mối đe dọa đối với sự tồn tại của voi; Thực hiện các hoạt động cứu hộ và tái thả voi hoang dã vào môi trường tự nhiên; Thực hiện các biện pháp để ngăn chặn hành vi như săn bắn, xâm hại,… dẫn đến suy giảm cá thể, quần thể voi hoang dã.

- Duy trì và phát triển quần thể voi bằng việc xác định và thực hiện các biện pháp để duy trì sự tồn tại của các đàn voi hiện có và nếu có thể áp dụng các biện pháp phát triển quần thể, cá thể.

- Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã, cụ thể: Phối hợp giữa các cơ quan ngăn chặn các hành động xâm hại, phá hoại vùng sinh cảnh của voi và thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng sinh cảnh sống cho voi.

- Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa, cụ thể: Nâng cao hiểu biết về xung đột voi - người và các nguyên nhân dẫn đến xung đột bằng việc giám sát xung đột voi - người tại các huyện có voi phân bố; Duy trì hoạt động của các tổ bảo vệ voi và thành lập thêm tổ/đội phản ứng nhanh để ngăn chặn, giảm thiểu xung đột voi - người và hạn chế các thiệt hại do xung đột voi - người gây ra tại khu vực có voi phân bố; Tiếp tục triển khai các chính sách về bảo tồn voi và kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách cho phù hợp để bảo tồn voi hoang dã;

- Nâng cao năng lực cho các bên liên quan, cụ thể: Đào tạo, tập huấn cho cán bộ và người dân với các chủ đề liên quan đến bảo tồn voi, quản lý xung đột voi - người, nguyên tắc an toàn khi gặp voi,…; Tăng cường năng lực về giám sát voi cho cán bộ liên quan đến công tác bảo tồn voi; Tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm thông qua hợp tác quốc tế, tham gia các diễn đàn, mạng lưới, hội nghị, hội thảo quốc tế về công tác bảo tồn voi và hợp tác liên biên giới trong công tác Bảo tồn voi hoang dã; Vận động các nhà khoa học, đơn vị nghiên cứu triển khai các đề tài/ứng dụng có liên quan để nghiên cứu bảo tồn và phát triển voi; Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho cán bộ làm công tác bảo tồn voi; Xác định cơ chế hợp tác và phối hợp cần thiết giữa các lực lượng liên quan trực tiếp và gián tiếp đến công tác bảo tồn voi.

- Nâng cao nhận thức về bảo tồn voi, cụ thể: Triển khai các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các nhóm liên quan đến bảo tồn voi; Truyền thông và xuất bản ấn phẩm nhằm tăng cường hiểu biết cho công chúng về nỗ lực bảo tồn voi, tầm quan trọng của việc bảo tồn loài nguy cấp quý hiếm.

4. Đối với voi nuôi nhốt

- Tăng cường phúc lợi cho voi nuôi nhốt, cụ thể: Xây dựng Hướng dẫn về phúc lợi cho voi nuôi nhốt; Thí điểm áp dụng Hướng dẫn về phúc lợi voi tại tỉnh Đắk Lắk; Vận động áp dụng Hướng dẫn như tiêu chuẩn cho voi nuôi nhốt tại tỉnh Đắk Lắk; Khuyến khích các chủ voi nuôi nhốt đồng thuận thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho voi nuôi nhốt tại tỉnh Đắk Lắk; Dự

phòng chăm sóc sức khỏe đột xuất cho các trường hợp voi ốm/bệnh trong và ngoài tỉnh.

- Cải thiện môi trường sống cho voi nuôi nhốt, cụ thể: Duy trì, bảo dưỡng, vận hành các công trình phục vụ bảo tồn voi hàng năm; Trồng cây làm thức ăn bổ sung cho voi tại huyện Lắk và huyện Buôn Đôn để đảm bảo cung cấp đầy đủ thức ăn cho voi nuôi nhốt; Xây dựng 02 mô hình hợp tác liên kết trong việc phát triển vùng sinh cảnh kết hợp phát triển du lịch thân thiện với voi tại huyện Buôn Đôn và huyện Lắk.

- Bảo tồn và phát triển quần thể voi nuôi nhốt hướng tới mục tiêu bảo tồn voi hoang dã: Xác định những cá thể voi tại Đắk Lắk còn khả năng sinh sản; Tổ chức hội thảo quốc tế để tham vấn chuyên gia xây dựng chương trình sinh sản cho voi nuôi nhốt; Thí điểm chương trình sinh sản voi nuôi nhốt; Tìm hiểu và tham gia thực hiện các Chương trình trao đổi/cho thuê voi từ quốc tế và khu vực đưa về Đắk Lắk để nhân giống phát triển voi nuôi nhốt vì mục đích bảo tồn.

- Nâng cao năng lực chăm sóc voi và du lịch thân thiện với voi, cụ thể: Hàng năm cử cán bộ, bác sĩ thú y tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, hội thảo, tập huấn chuyên môn về thú y, dinh dưỡng và sinh sản cho voi ở nước ngoài; Học tập kinh nghiệm quốc tế (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan…) về các mô hình du lịch thân thiện với voi; Đào tạo sử dụng máy móc, trang thiết bị chuyên môn (máy xét nghiệm, máy siêu âm, X-quang…); Thành lập đội cơ động phản ứng nhanh để thực hiện chức năng cứu hộ và chăm sóc thú y khẩn cấp cho voi nuôi nhốt.

5. Hợp tác quốc tế

- Triển khai hợp tác với các tổ chức, trung tâm bảo tồn, đơn vị trong lĩnh vực bảo tồn voi để tiếp nhận kỹ thuật, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế; Kêu gọi, thu hút các nguồn tài trợ Quốc tế trong lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo tồn voi. Duy trì hợp tác với Tổ chức Động vật Châu Á (AAF), Quỹ Bảo tồn thiên nhiên thế giới (WWF)

- Hợp tác chuyên đề về voi (MOU) giữa 2 tỉnh Đắk Lắk và Mondulkiri để phối hợp bảo tồn voi liên biên giới.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Về cơ chế, chính sách: Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; đồng thời rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế bảo tồn và phát triển voi tại Đắk Lắk giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050.

2. Về kỹ thuật

- Kế thừa, phát huy những thành quả từ các hoạt động bảo tồn voi trong các đề án/chương trình/kế hoạch đã thực hiện trong thời gian qua về công tác cứu hộ, chăm sóc, ghép đôi sinh sản…, đồng thời tăng cường hợp tác, liên kết với các tổ chức bảo tồn voi quốc tế, bảo tồn voi châu Á, cùng các tổ chức, chuyên gia và các trung tâm bảo tồn voi trong khu vực để chia sẻ kinh nghiệm,

các sáng kiến bảo tồn voi và các kỹ thuật công nghệ cao, lựa chọn vận dụng trong bảo tồn voi hoang dã và voi nuôi nhốt tại tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng và thực hiện các quy trình, kỹ thuật, giải pháp thực hiện các hoạt động quản lý, giám sát, cứu hộ, tái thả voi hoang dã, quản lý xung đột voi – người theo hướng thúc đẩy chung sống hài hòa, tăng cường phúc lợi, chăm sóc, nuôi dưỡng cho voi nuôi nhốt,…

- Triển khai chương trình thúc đẩy voi sinh sản trên những cá thể voi cái còn khả năng sinh sản để duy trì phát triển; Tăng cường nguồn giống voi châu Á hợp pháp thông qua chương trình nhập khẩu voi trẻ về làm nguồn giống sinh sản bằng con đường ngoại giao từ chính phủ và tham gia Hiệp hội vườn thú trong khu vực để trao đổi nguồn gen voi châu á.

- Quản lý công tác bảo tồn và phát triển voi theo hướng thích ứng linh hoạt đảm bảo phù hợp với các yếu tố sinh học, xã hội học, văn hóa, kinh tế và môi trường.

- Huy động các đơn vị nghiên cứu, các nhà khoa học, chuyên gia tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên sâu về voi, đề xuất giải pháp mang tính khoa học, bền vững với môi trường.

- Xây dựng chương trình truyền thông và tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cho các nhóm đối tượng khác nhau về tầm quan trọng của bảo tồn voi, quản lý xung đột voi - người hướng tới chung sống hài hòa, các nguyên tắc an toàn khi gặp voi và xử lý tình huống khi xung đột voi - người xảy ra đảm bảo sự an toàn cho cả người và voi.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tích cực tham gia và thực hiện các Công ước, Thỏa thuận quốc tế và Tuyên bố liên quan tới voi châu Á.

- Đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong lĩnh vực bảo tồn voi để kêu gọi và xã hội hóa sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chia sẻ thông tin liên quan, nhằm đảm bảo Kế hoạch hành động bảo tồn voi được triển khai hiệu quả.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư vào dự án bảo tồn voi của tỉnh.

4. Về nguồn lực

- Xây dựng hoàn thiện cụm công trình chăm sóc, cứu hộ voi; mua sắm trang thiết bị, phương tiện đảm bảo phục vụ công tác chăm sóc, chữa trị, cứu hộ, tái thả voi và giáo dục môi trường.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo đủ nhân lực để triển khai đồng bộ các hoạt động bảo tồn voi; nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác bảo tồn voi, kể cả các bên có liên quan thông qua đào tạo tập huấn trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy sự tham gia tích cực của các bên liên quan đặc biệt là nhóm cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn voi. Huy động các tổ chức, cá

nhân trong nước và ngoài nước đầu tư, chuyển giao công nghệ phục vụ công tác bảo tồn và phát triển bền vững voi ở Đắk Lắk.

- Xây dựng Dự án đảm bảo nguồn kinh phí từ Trung ương, địa phương ưu tiên cho các hoạt động bảo tồn voi trong kế hoạch được triển khai đồng bộ hiệu quả cùng với nguồn hỗ trợ hợp pháp khác từ các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước.

V. Khung kế hoạch chi tiết *(có phụ lục kèm theo)*

VI. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn kinh phí xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sẽ được xây dựng cụ thể trong Dự án khẩn cấp bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có voi và các tổ chức, đơn vị có liên quan xây dựng Dự án khẩn cấp bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030, giai đoạn 2030-2035 để đảm bảo thực hiện kế hoạch và dự án khẩn cấp bảo tồn voi của tỉnh sau khi được phê duyệt.

3. Sở Tài Chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan hàng năm phân bổ, bố trí vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đảm bảo triển khai thực hiện các nội dung của Quyết định này và Dự án khẩn cấp bảo tồn voi của tỉnh sau khi được phê duyệt.

4. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan giới thiệu các nguồn viện trợ nước ngoài không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức cho Sở Nông nghiệp và PTNT, giới thiệu nhu cầu kêu gọi tài trợ của Dự án khẩn cấp bảo tồn voi cho các nhà tài trợ phù hợp để thu hút thêm nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư thực hiện kế hoạch bảo tồn voi tại Đắk Lắk.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ Khoa học công nghệ hỗ trợ công tác bảo tồn voi.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các cơ quan báo chí; hệ thống thông tin cơ sở; các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai công tác tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã nói chung và công tác bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh nói riêng.

7. Ủy ban nhân dân các huyện: Lắk, Buôn Đôn, Ea Súp, Ea H'Leo, Cư M'gar theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức quản lý và triển khai các nội dung có liên quan tại địa phương.

8. Các sở, ban, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch./.